

BÀI 3: **VẺ ĐẸP QUÊ HƯƠNG**

A. PHẠM VI NGHIÊN CỨU CỦA BÀI HỌC VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN.

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN:

1. Đọc

- Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương.
- *Việt Nam quê hương ta* (Nguyễn Đình Thi).
- *Về bài ca dao “Đứng bên ni đồng ngó bên tê đồng...”* (Bùi Mạnh Nhị).
- **Thực hành Tiếng Việt.**
- *Hoa bìm* (Nguyễn Đức Mậu)

2. Viết.

- Làm một bài thơ lục bát.
- Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.

3. Nói và nghe.

Trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát.

4. Ôn tập.

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 14 tiết – KHGD

1. Đọc và thực hành tiếng Việt (7 tiết)

2. Viết (4 tiết)

3. Nói và nghe (2 tiết)

4. Ôn tập (1 tiết)

B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Nhận biết được các đặc điểm của thơ lục bát: tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản;
- Qua các văn bản, rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử của cá nhân.
- Biết cách lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của văn bản.

2. Bảng mô tả năng lực và phẩm chất cần hình thành cho học sinh.

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		

1	Nêu được ấn tượng chung về các bài ca dao, bài thơ lục bát: cảm xúc, chủ đề, thể thơ, cách gieo vần, ngắt nhịp ...	Đ1
2	Nêu được ý nghĩa của bài thơ, hiểu được cảm xúc của tác giả qua các bài ca dao, bài thơ lục bát; thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.	Đ2
3	Nhận xét được những chi tiết, hình ảnh tiêu biểu trong việc thể hiện nội dung văn bản.	Đ3
4	Nhận xét được giá trị của các bài thơ. Bước đầu biết so sánh nội dung của các bài để tìm ra điểm tương đồng và nét riêng từng bài.	Đ4
5	Có khả năng lựa chọn những từ ngữ cho phù hợp với việc thể hiện nghĩa của văn bản.	Đ5
6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình giá trị nội dung, nghệ thuật của các bài ca dao, bài thơ lục bát vừa tìm hiểu.	N1
7	Có khả năng sáng tác một bài thơ lục bát (có thể là lục bát biến thể).	V1
8	Có khả năng tạo lập một văn bản biểu cảm: cảm nhận của cá nhân về một bài ca dao, một bài thơ lục bát.	V2
NĂNG LỰC CHUNG: GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
9	- Biết được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. - Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về vấn đề giáo viên đưa ra.	GT-HT
10	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và chỉ ra được một số giải pháp giải quyết vấn đề (ở cấp độ phù hợp với nhận thức và năng lực cá nhân).	GQVĐ
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM, TRUNG THỰC, NHÂN ÁI		
11	- Yêu quê hương, đất nước - Có thái độ yêu mến, trân trọng nền văn học Việt Nam, trong đó có thơ lục bát. - Luôn có ý thức giữ gìn, phát huy những giá trị lớn lao của văn học dân tộc.	TN NA YN

Giải thích các kí tự viết tắt cột MÃ HÓA:

- **Đ:** Đọc (1,2,3,4,5: Mức độ).
- **N:** Nghe – nói (1,2: mức độ)
- **V:** Viết (1,2: mức độ)
- **GT-HT:** Giao tiếp – hợp tác.
- **GQVĐ:** Giải quyết vấn đề.
- **TN:** trách nhiệm.
- **NA:** Nhân ái.
- **YN:** Yêu nước.

C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Phương tiện: SGK, SGV, tài liệu tham khảo
- Định hướng HS phân tích, cắt nghĩa và khái quát bằng phương pháp đàm thoại gợi mở, thảo luận nhóm, câu hỏi nêu vấn đề.
- Tổ chức HS tự bộc lộ, tự nhận thức bằng các hoạt động liên hệ.
- **Phiếu học tập:**

Phiếu học tập số 1

(Văn bản *Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương*)

Bài ca dao	Từ ngữ, hình ảnh độc đáo	Giải thích
1		
2		
3		
4		

Phiếu học tập số 2

(Văn bản *Việt Nam quê hương ta*)

a.

	Xác định	Tác dụng
Những hình ảnh tiêu biểu		
Biện pháp tu từ		

b.

	Vẻ đẹp của con người Việt Nam	Từ ngữ, hình ảnh thể hiện	Tác dụng của những từ ngữ, hình ảnh ấy
Vẻ đẹp thứ nhất			

Vẻ đẹp thứ hai			
Vẻ đẹp thứ ba			
....			

2. Học sinh.

- Đọc văn bản theo hướng dẫn **Chuẩn bị đọc** trong sách giáo khoa.
- Chuẩn bị bài theo câu hỏi trong SGK

3. Bảng tham chiếu các mức độ cần đạt.

Nội dung chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
- <i>Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương.</i> - <i>Việt Nam quê hương ta</i> (Nguyễn Đình Thi). - <i>Hoa bìm</i> (Nguyễn Đức Mậu)	- Nắm được thông tin về văn bản - Nắm được đề tài, chủ đề của các bài ca dao, bài thơ lục bát. - Tìm được những hình ảnh thể hiện vẻ đẹp của quê hương trong các bài ca dao, bài thơ lục bát.	Nhận xét được những hình ảnh, những câu ca dao biểu thị vẻ đẹp của quê hương.	- Nêu được nội dung, ý nghĩa của các bài thơ. - Vận dụng hiểu biết về nội dung của các bài ca dao, bài thơ để phân tích, cảm nhận nội dung, nghệ thuật của các bài ca dao, bài thơ lục bát.	- Cảm nhận hiệu quả nghệ thuật của các hình ảnh, các biện pháp tu từ....trong 4 bài thơ lục bát, bài thơ của Nguyễn Đình Thi. - Trình bày cảm nhận của bản thân về giá trị của các bài ca dao, bài thơ viết về vẻ đẹp quê hương.
- <i>Về bài ca dao “Đứng bên ni đồng ngó bên tê đồng...”</i> (Bùi Mạnh Nhị).	Chỉ ra được những hình ảnh đặc sắc của quê hương được khắc họa qua bài ca dao mà tác giả Bùi Mạnh Nhị đã phân tích.	Chỉ ra được những nét độc đáo của bài ca dao mà tác giả bài viết đề cập đến.	Phân tích hiệu quả nghệ thuật của một số chi tiết tiêu biểu trong văn bản thể hiện cảm xúc của tác giả.	Cảm nhận, đánh giá, kiến giải về một trong những vấn đề tác giả đưa ra trong bài viết.

-Thực hành tiếng Việt. -Viết.	- Năm được đặc điểm thơ lục bát	Chỉ ra đặc điểm của thơ lục bát trong các ví dụ	Làm thơ lục bát: số tiếng, số câu, thanh điệu, vần.	Hoàn chỉnh một bài thơ lục bát có nội dung, cảm xúc và đúng luật.
-------------------------------------	---------------------------------------	---	---	--

D. CÁC CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ TRONG BÀI HỌC.

1. Câu hỏi: Hiểu biết về thơ lục bát: số từ trong câu, cách gieo vần, ngắt nhịp...

2. Bài tập : - Vẽ tranh

- Sơ đồ tư duy về bài học (hoặc 1 vấn đề trong bài học).

3. Rubric:

Mức độ	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí			
Thiết kế sơ đồ tư duy về các văn bản vừa học	Sơ đồ tư duy chưa đầy đủ nội dung	Sơ đồ tư duy đủ nội dung nhưng chưa hấp dẫn.	Sơ đồ tư duy đầy đủ nội dung và đẹp, khoa học, hấp dẫn.

E. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HD 1: Khởi động	Kết nối – tạo tâm thế tích cực.	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến thơ lục bát.	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	-Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; - Do GV đánh giá.
HD 2: Khám phá kiến thức	Đ1,Đ2,Đ3,Đ4, Đ5,N1,GT-HT,GQVĐ	I.Tìm hiểu chung về thơ lục bát. II. Đọc hiểu văn bản. - Những câu hát dân gian về vẻ	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình;	Đánh giá qua sản phẩm qua hỏi đáp; qua phiếu học tập, qua trình bày do GV và HS đánh

		<i>đẹp quê hương.</i> - <i>Việt Nam quê hương ta</i> (Nguyễn Đình Thi). - <i>Vẽ bài ca dao “Đứng bên ni đồng ngó bên tê đồng...”</i> (Bùi Mạnh Nhị). - <i>Hoa bìm</i> (Nguyễn Đức Mậu) III.Đọc mở rộng theo thể loại: Hoa bìm IV.Thực hành Tiếng Việt. V.Viết: làm một bài thơ lục bát	Trực quan;	giá -Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập	Đ3,Đ4,Đ5,GQ VĐ	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kỹ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Kỹ thuật: động não	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá -Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng	N1, V1, V2, GQVĐ	Liên hệ thực tế đời sống để hiểu, làm rõ thêm thông điệp của văn bản.	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm của HS, qua trình bày do GV và HS đánh giá. - Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo

				luận do GV đánh giá.
HD mở rộng	Mở rộng	Tìm tòi, mở rộng để có vốn hiểu biết sâu hơn.	Dạy học hợp tác, thuyết trình;	- Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. - GV và HS đánh giá

G. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập.

b. Nội dung hoạt động: Một trong các nội dung sau:

- Đưa các đoạn ca dao, đoạn thơ lục bát về đúng cột Văn học dân gian hoặc Văn học viết. Tìm điểm chung giữa các văn bản về nội dung và hình thức.
- Kể tên các thể thơ mà HS đã biết.
- Quan sát các bức tranh, ảnh về quê hương và nêu cảm nhận.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

1. Cách 1:

- **GV giao nhiệm vụ:** Em hãy quan sát các đoạn văn bản sau và cho biết đoạn văn bản ấy thuộc văn học dân gian hay văn học viết?. Tìm điểm chung giữa các văn bản về nội dung và hình thức.

- *Ai ơi, bưng bát cơm đầy
Đẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần.*

- *Tôi yêu chuyện cổ nước tôi
Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa
Thương mình rồi mới thương ta
Yêu nhau dù mấy cách xa cũng tìm*

- *Anh đi anh nhớ quê nhà,
Nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương.*

- Quê hương là một tiếng ve
Lời ru của mẹ trưa hè à ơi
Dòng sông con nước đầy vơi
Quê hương là một góc trời tuổi thơ

- Trong đầm gì đẹp bằng sen,
Lá xanh, bông trắng lại chen nhị vàng.
Nhị vàng bông trắng lá xanh,
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

- Vườn mình trong gió tre đu

Cây kham khổ vẫn hát ru lá cành

Yêu nhiều nắng nỏ trời xanh

Tre xanh không đứng khuất mình bóng râm.

Các câu thơ trên giống nhau ở điểm nào?

*** Sản phẩm:**

Văn học dân gian	Văn học viết
- Ai ơi, bưng bát cơm đầy Dẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần, - Anh đi anh nhớ quê nhà, Nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương. - Trong đầm gì đẹp bằng sen, Lá xanh, bông trắng lại chen nhị vàng. Nhị vàng bông trắng lá xanh, Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn. (ca dao)	- Tôi yêu chuyện cổ nước tôi Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa Thương mình rồi mới thương ta Yêu nhau dù mấy cách xa cũng tìm... (Tác giả: Lâm Thị Mỹ Dạ). - Vườn mình trong gió tre đu Cây kham khổ vẫn hát ru lá cành Yêu nhiều nắng nỏ trời xanh Tre xanh không đứng khuất mình bóng râm. (tác giả: Nguyễn Duy) - Quê hương là một tiếng ve Lời ru của mẹ trưa hè à ơi

	<i>Dòng sông con nước đầy vơi</i> <i>Quê hương là một góc trời tuổi thơ</i> (Tác giả: Nguyễn Đình Huân)
--	--

- **Điểm giống nhau:** Đều viết về vẻ đẹp quê hương và đều sử dụng thể thơ lục bát.

2. Cách 2:

- **GV:** Kể tên các thể thơ mà em biết?

- **HS tham gia trả lời.**

* **Sản phẩm:** Thơ lục bát, tự do, song thất lục bát, thơ 4 chữ, 5 chữ..

- **Cách 3:** Quan sát các bức tranh, ảnh và cho biết: 4 bức tranh, ảnh này giống nhau ở điểm gì? Nêu cảm nhận của bản thân.



- **Bước 1:** GV giao nhiệm vụ.

- **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ.

- **Bước 3:** Đánh giá sản phẩm.

- **Bước 4:** Cho điểm hoặc thưởng quà.



Quê hương có một vị trí quan trọng trong lòng mỗi người. Mỗi người dân Việt Nam đều có tình cảm thiêng liêng gắn bó với quê hương xứ sở của mình. Đối với những con người lao động, nhất là người nông dân, họ đã gắn bó mật thiết với quê hương. Từ lúc cất tiếng khóc chào đời, rồi tuổi thơ đẹp đẽ, những công việc lao động, rồi cuộc sống gia đình, cho tới lúc nhắm mắt xuôi tay, họ đã sống gắn bó với làng quê. Tình cảm yêu quê hương đất nước là một truyền thống tốt đẹp và đáng quý của dân tộc Việt Nam. Đến với bài học hôm nay, chúng ta cùng thả hồn theo những vần thơ lục bát viết về quê hương để cùng lắng nghe và suy ngẫm.

HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ KIẾN THỨC

ĐỌC

a. Mục tiêu: Đ1, Đ2Đ3Đ4GQVĐ

- HS nắm được những nét cơ bản về thơ lục bát.
- Hiểu được vẻ đẹp nội dung và hình thức của các bài thơ lục bát.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kỹ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu thơ lục bát: vần điệu, nhịp điệu, thanh điệu...

- HS trả lời, hoạt động cá nhân.
- Thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân và phiếu học tập đã hoàn thiện của các nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

Nội dung 1: Tìm hiểu chung về thơ lục bát

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. GV giao nhiệm vụ: yêu cầu HS đọc phần Tri thức đọc hiểu trong SGK trang 60 và tái hiện lại kiến thức. - HS đọc Tri thức đọc hiểu trong SGK và tái hiện lại kiến thức trong phần đó. Bước 2. HS trình bày cá nhân. Bước 3. Đánh giá kết quả. Bước 4. Chuẩn kiến thức. - GV lấy VD và chiếu lên cho HS dễ quan sát.	1. Số tiếng: + Câu lục: 6 tiếng + Câu bát: 8 tiếng - Cách gieo vần: Tiếng thứ 6 của câu lục hiệp vần với tiếng thứ 6 của câu bát, tiếng thứ 8 của câu bát hiệp vần với tiếng thứ 6 của câu lục. 2. Thanh điệu: Tiếng 1,3,5,7 phối thanh tự do. Tiếng 2, 4, 6, 8 theo thứ tự: B-T-B-B. 3. Ngắt nhịp: Nhịp chẵn. VD: Trăm <u>năm</u> /trong <u>cõi</u> /người <u>ta</u>. B T B Chữ <u>tài</u> chữ <u>mệnh</u>/ khéo <u>là</u> ghét <u>nhau</u>. B T B B Trải <u>qua</u>/ một <u>cuộc</u> bể <u>dâu</u>. B T B Những <u>điều</u> trông <u>thấy</u>/ mà <u>đau</u> đốn B T B <u>lòng</u>. B (Truyện Kiều – Nguyễn Du) * Thơ lục bát biến thể: (sgk) Vd: Đứng bên tê đồng ngô bên ni đồng mênh mông bát ngát. Đứng bên ni đồng ngô bên tê đồng bát ngát mênh mông. - Số tiếng, thanh điệu, nhịp điệu có sự biến đổi.

Nội dung 2: Đọc hiểu văn bản 1:

Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương

a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ4, GQVĐ, GT-HT

(HS hiểu được nội dung và giá trị nghệ thuật của các bài ca dao ca ngợi vẻ đẹp quê hương).

b. Nội dung hoạt động: Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập đã hoàn thiện của các nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

*** Chuẩn bị đọc:**

*** Trước khi trải nghiệm cùng văn bản, GV đặt câu hỏi:**

Em hiểu cụm từ “vẻ đẹp quê hương” như thế nào? Em đã học hoặc đã đọc những bài thơ nào ca ngợi vẻ đẹp quê hương?

- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân.

I. Trải nghiệm cùng văn bản + Đọc hiểu văn bản
(Sử dụng tranh, ảnh, video)



Bức ảnh dùng cho bài thứ nhất

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
- Bước 1. GV hướng dẫn cách đọc: Đọc rõ ràng, rành mạch, biểu cảm... - Bước 2. HS đọc. - Bước 3. Nhận xét cách đọc của HS. * Bước 1: GV cho HS quan sát một	I. Bài thứ nhất. 1. Đọc. 2. Bố cục: 2 phần: a. Sự giàu có, nhộn nhịp của kinh thành Thăng Long. b. Tâm trạng tác giả. 3. Phân tích. a. Sự giàu có, nhộn nhịp của kinh thành

số bức tranh như hình trên. Trên internet có đủ ảnh của 36 phố phường (GV mở cho HS quan sát trực tiếp). Sau đó giao nhiệm vụ: + Hình ảnh kinh thành Thăng Long được gọi lên trong bài ca dao này có điểm gì đặc biệt? + Em hãy viết ra những vẻ đẹp mà em tưởng tượng được về kinh thành Thăng Long? - GV có thể mở rộng thêm: Thực ra con số 36 chỉ là tương đối để chỉ số nhiều. Thực tế, các nhà nghiên cứu đã tìm ra số phố phường của kinh thành Thăng Long nhiều hơn con số 36... + Cụm từ “phồn hoa thứ nhất Long Thành” gọi lên điều gì? * Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ. * Bước 3: Đánh giá sản phẩm. * Bước 4: Chuẩn kiến thức. * Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: + Tâm trạng, cảm xúc của tác giả về đất Long Thành được thể hiện qua từ ngữ nào? Đó là tâm trạng gì? + Qua đó em đánh giá như thế nào về vẻ đẹp tâm hồn của tác giả dân gian? * Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ. * Bước 3: Đánh giá sản phẩm. * Bước 4: Chuẩn kiến thức.	Thăng Long. - Kinh thành Thăng Long được nhắc đến với rất nhiều phố phường (36): phong phú, đa dạng, đông đúc, nhộn nhịp. Mỗi tên phố đều gắn với một sự vật cụ thể: Thau, đồng, cá, cờ, bàn... - Tác dụng: làm nổi bật sự đông đúc, nhộn nhịp của kinh thành Thăng Long và sự gần gũi trong cách gọi tên phố phường của người Hà Nội. - Sự giàu có, nhộn nhịp: <i>phố giăng mắc cửi, đường quanh bàn cờ...</i> → Hàm ý miêu tả đường phố Thăng Long dọc ngang, ken dày như các sợi chỉ được mắc trên khung cửi dệt vải, như các ô trên bàn cờ. b. Tâm trạng của tác giả. - Tự hào về vẻ đẹp, sự giàu sang của kinh thành Thăng Long – trái tim của Tổ quốc. “Người về nhớ cảnh ngấn ngơ”. - Tâm trạng lưu luyến, nhớ nhung của tác giả khi phải xa Long Thành: <i>ngấn ngơ</i>. Cách diễn tả nỗi nhớ rất đặc biệt: nhớ kinh thành Thăng Long mà như nhớ người yêu vậy. → Tác giả dân gian thể hiện tình yêu quê hương, đất nước sâu sắc.
---	--

* Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Hãy thực hiện các nhiệm vụ sau:	II. Bài thứ hai:
--	--------------------------------

- Gọi 2 HS đọc: + Nữ đọc lời hỏi + Nam đọc lời đáp - Bố cục bài ca có mấy phần? - Em có nhận xét gì về hình thức thể loại bài ca? - Hình thức đối đáp này có nhiều trong ca dao dân ca không? * Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ. * Bước 3: Đánh giá sản phẩm. * Bước 4: Chuẩn kiến thức. * Bước 1: GV giao nhiệm vụ. - Cô gái hỏi về điều gì? - Câu đố của cô thể hiện điều gì? - Những danh từ riêng nào được nhắc tới trong lời đối đáp này? Vì sao chàng trai, cô gái lại dùng những địa danh với đặc điểm (của từng địa danh) như vậy để hỏi đáp?	1. Đọc 2. Bố cục: 2 phần + Phần đầu: Lời người hỏi (cô gái) + Phần sau: Lời người đáp (chàng trai) 3. Thể loại: hỏi đáp, thường gặp trong ca dao trữ tình dao duyên cổ truyền VN. 4. Phân tích. a. Lời người hỏi (Cô gái) - Hỏi về tên sông, tên núi có độ cao và độ sâu nhất của nước ta. → Cô gái thể hiện sự khéo léo trong cách hỏi. → Sự hiểu biết sâu sắc về những địa danh của quê hương, đất nước. b. Lời người đáp - Chàng trai nhắc đến những địa danh trong câu trả lời: núi Lam Sơn, sông Bạch Đằng. - Vì những địa danh này gắn liền với những chiến công lẫy lừng của cha ông ta trong cuộc chiến bảo vệ bờ cõi đất nước ta: ba lần
--	---

- Nội dung lời đối đáp gợi vẻ đẹp gì của quê hương? - Qua cách đối đáp như vậy, em hiểu gì về mối quan hệ tình cảm của đôi trai gái đó? Và họ là người như thế nào? - Cảm xúc của tác giả dân gian về quê hương đất nước được thể hiện như thế nào? * Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ. * Bước 3: Đánh giá sản phẩm. * Bước 4: Chuẩn kiến thức. * Bước 1: GV giao nhiệm vụ. - HS đọc diễn cảm. - Tìm bố cục? * Bước 1: GV giao nhiệm vụ.	phá tan quân xâm lược trên sông Bạch Đằng, cuộc khởi nghĩa của Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn chiến thắng giặc Minh. Qua đó, đã thể hiện niềm tự hào và tình yêu với quê hương đất nước. - Vẻ đẹp truyền thống của những thắng cảnh nổi tiếng gắn liền với ý nghĩa lịch sử sâu sắc của quê hương, đất nước. c. Ý nghĩa lời hỏi đáp: + Đây là một hình thức để trai gái thử tài nhau, đo độ hiểu biết về kiến thức địa lí, lịch sử, văn hoá...trong những cuộc hát đối đáp. + Người hỏi biết chọn những nét tiêu biểu của từng địa danh để hỏi, người đáp hiểu rất rõ và trả lời ý của người hỏi -> Từ đó để thể hiện chia sẻ, vui chơi, giao lưu tình cảm. -> Thể hiện sự yêu quý, tự hào về quê hương, đất nước. - Chàng trai cô gái cùng chung sự hiểu biết, cùng chung tình cảm với quê hương, đất nước. Đó là cơ sở và là cách để họ bày tỏ tình cảm với nhau. -> Chàng trai, cô gái là những người sâu sắc, tế nhị. - Hình ảnh chàng trai cô gái chính là sự hóa thân của tác giả dân gian. Tác giả dân gian thể hiện tình yêu quê hương, đất nước thường trực trong tâm hồn, sự tự hào về vẻ đẹp của quê hương, đất nước (trong đó có sự tự hào về lịch sử giữ nước của cha ông). III. Bài thứ 3.
--	--

- Trả lời các câu hỏi: + Vẻ đẹp của vùng đất Bình Định được giới thiệu như thế nào? - Trong bài ca dao, tác giả dân gian đã sử dụng biện pháp tu từ gì? Tác dụng của biện pháp tu từ đó? * Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ. * Bước 3: Đánh giá sản phẩm. * Bước 4: Chuẩn kiến thức. Thảo luận cặp đôi. * Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ. - Cảm xúc của tác giả được thể hiện như thế nào? - Em hãy chỉ ra đặc điểm thể thơ lục bát qua bài ca dao này? * Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ. * Bước 3: Đánh giá sản phẩm. * Bước 4: Chuẩn kiến thức.	1. Đọc. 2. Bố cục: 2 phần - Vẻ đẹp của vùng đất Bình Định. - Tâm trạng của tác giả. 3. Phân tích. a. Vẻ đẹp của vùng đất Bình Định: + Núi Vọng Phu. + Đầm Thị Nại. + Cù lao Xanh. + Có các món ăn truyền thống như: bí đỏ nấu canh nước dừa. - Tác giả đã sử dụng phép điệp từ “có” trong câu lục bát “Bình Định có núi Vọng Phu/ Có đầm Thị Nại, có cù lao Xanh.” Tác dụng: Điệp từ này đã góp phần nhấn mạnh những nét đẹp đặc trưng của Bình Định và thể hiện lòng tự hào của tác giả dân gian về mảnh đất quê hương. - Biện pháp tu từ liệt kê: <i>núi Vọng Phu, đầm Thị Nại, cù lao Xanh.</i> Tác dụng: nhấn mạnh sự phong phú về các danh lam thắng cảnh, những nét đặc sắc về văn hóa vùng miền của mảnh đất thượng võ Bình Định. Qua đó làm nổi bật vẻ đẹp của quê hương Bình Định yêu dấu. b. Tâm trạng tác giả - Tự hào khi nói về mảnh đất Bình Định – vùng đất thượng tôn, thượng võ: lịch sử đấu
--	--

Thảo luận cặp đôi * Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - Bài ca dao số 4 viết về vùng miền nào?	tranh anh hùng (chiến công của nghĩa quân Tây Sơn ở đầm Thị Nại), của lòng chung thủy, sắt son của người phụ nữ (núi Vọng Phu), của những món ăn dân dã đặc trưng nơi đây. * Đặc điểm thể lục bát qua bài số 3: - Số tiếng: + Câu lục: 6 tiếng. + Câu bát: 8 tiếng. - Cách gieo vần: Tiếng thứ 6 của dòng lục (Phu) vần với tiếng thứ 6 của dòng bát (cù). Tương tự cho cặp lục bát thứ 2. - Ngắt nhịp: Bài ca dao số 3 ngắt nhịp chẵn. + Câu lục 1: Trắc (Định) – Trắc (núi) – Bằng (Phu). Tuy nhiên câu lục đầu tiên thanh điệu không tuân theo luật bằng –trắc của thể lục bát. + Câu bát 1: Bằng (đầm) – Trắc (Nại) – Bằng (cù) –Bằng (Xanh). + Câu lục 3: Bằng (về) – Trắc (Định) – Bằng (anh). + Câu bát 4: Bằng (ăn) – Trắc (đỏ) – Bằng (canh) –Bằng (dừa). - Tiếng ở vị trí 1,3,5,7 phối thanh tự do. IV. Bài thứ 4. 1. Đọc. 2. Đọc hiểu văn bản: Vẻ đẹp vùng Tháp Mười. - Câu lục như một tiếng gọi, lời mời mọi người về vùng Đồng Tháp Mười.
---	---

- Em hiểu câu thứ nhất (câu lục) như thế nào? - Những hình ảnh “cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn” thể hiện đặc điểm gì của vùng Tháp Mười? * Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ. * Bước 3: Đánh giá sản phẩm. * Bước 4: Chuẩn kiến thức. GV hỏi thêm: - Em biết những câu ca dao, câu thơ nào viết về Tháp Mười không? Hãy đọc cho cả lớp nghe.	- Những hình ảnh “cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn” thể hiện sự trù phú về sản vật mà thiên nhiên đã hào phóng ban tặng và qua đó thể hiện niềm tự hào về sự giàu có của thiên nhiên vùng Đồng Tháp Mười. - Tháp Mười đẹp nhất bông sen, Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ.
--	--

II. Sau hoạt động (Tổng kết)

HD của Gv và HS	Sản phẩm
Làm việc cá nhân. * Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Trình bày giá trị nội dung và nghệ thuật của chùm câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương? * Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ. * Bước 3: Nhận xét. * Bước 4: Chuẩn kiến thức.	1. Nghệ thuật. - Thể thơ lục bát truyền thống. - Những hình ảnh giàu sức biểu cảm. - Sử dụng thành công các biện pháp tu từ để làm nổi bật vẻ đẹp của quê hương, đất nước. 2. Nội dung. - Ca ngợi vẻ đẹp của mọi miền quê hương, từ Bắc tới Nam.... - Tự hào về truyền thống của quê hương, đất nước. - Trách nhiệm xây dựng quê hương, đất nước ngày một giàu đẹp.

LUYỆN TẬP SAU TIẾT HỌC

a. Mục tiêu: Đ3, Đ4, GQVĐ (HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản: Chỉ ra được những từ ngữ, hình ảnh độc đáo trong chùm ca dao 4 bài, giải thích...)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân hoặc nhóm bàn để hoàn thành phiếu học tập.

c. Sản phẩm: Phiếu HT đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

*** Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Hãy hoàn thiện phiếu học tập sau:**

(Phiếu học tập số 1)

Bài ca dao	Từ ngữ, hình ảnh độc đáo	Giải thích
1		
2		
3		
4		

***Dự kiến sản phẩm:**

Bài ca dao	Từ ngữ, hình ảnh độc đáo	Giải thích
1	Phồn hoa thứ nhất Long Thành/ Phố giăng mắc cửi, đường quanh bàn cờ	Câu thơ gợi lên hình ảnh kinh thành Thăng Long đông đúc, nhộn nhịp, giàu có.
2	Sâu nhất là sông Bạch Đằng/ Ba lần giặc đến, ba lần giặc tan.	Thể hiện được vẻ đẹp và niềm tự hào về lịch sử quê hương.
3	Có đầm Thị Nại, có cù lao Xanh.	Điệp từ “có”, biện pháp liệt kê thể hiện lòng tự hào về những cảnh đẹp quê hương gắn liền với lịch sử.
4	tôm sấm bắt, trời sấm ăn.	Thể hiện sự trù phú, giàu có của thiên nhiên ban tặng người dân Tháp Mười.

Văn bản 2: ***Việt Nam quê hương ta*** (Nguyễn Đình Thi)

a. Mục tiêu: Đ2,Đ3,Đ4, GQVĐ

- Hiểu và cảm nhận được những nét chính về nội dung và nghệ thuật của bài thơ *Việt Nam quê hương ta*.

b. Nội dung hoạt động: Làm việc cá nhân và hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung, nghệ thuật của bài thơ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và phiếu học tập đã hoàn thiện của các nhóm.

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ.

I. Chuẩn bị đọc (khởi động)

* GV mời một học sinh hoặc lấy tinh thần xung phong của HS để hát một bài hát về quê hương.

- GV đặt câu hỏi: Trong bài hát em vừa thể hiện, em thích nhất câu nào? Vì sao?

* HS thực hiện nhiệm vụ.

* Khen ngợi, biểu dương...

II. Trải nghiệm cùng văn bản.

Trước khi trải nghiệm cùng văn bản, GV cùng HS tìm hiểu về nhà thơ Nguyễn Đình Thi.



(Chân dung nhà thơ Nguyễn Đình Thi)

HĐ của GV và HS	Giới thiệu tác giả
Bước 1. GV giao nhiệm vụ: Qua việc chuẩn bị bài ở nhà, em hãy cho biết những nét tiêu biểu về nhà thơ Nguyễn Đình Thi? Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ (phát biểu cá nhân). Bước 3. Nhận xét sản phẩm. Bước 4. Chuẩn kiến thức. GV mở rộng thêm: - Ở lĩnh vực nào ông cũng có những đóng góp đáng trân trọng. - Bài thơ được xem là tâm đắc nhất của của nhà thơ Nguyễn Đình Thi, đó là bài "Đất nước", đây là một tác phẩm bất hủ của văn học. Sau này, bài thơ "Đất nước" đã được nhạc sỹ Đặng Hữu Phúc phổ thành bản Giao hưởng - Hợp xướng cùng tên "Đất nước". * GV nhấn mạnh: <i>Những bài thơ của Nguyễn Đình Thi in đậm hình ảnh đất</i>	- Nhà thơ Nguyễn Đình Thi sinh ngày 20-12-1924 tại Thành phố Luông Pra Băng, nước Lào. Ông sống và làm việc chủ yếu ở Thành phố Hà Nội, nước Việt Nam. - Nguyễn Đình Thi được xem là một nghệ sĩ đa tài, ông sáng tác nhạc, làm thơ, viết tiểu thuyết, kịch, tiểu luận phê bình. - Thơ Nguyễn Đình Thi mang một diện mạo mới, độc đáo và hiện đại. Những bài thơ tiêu biểu của ông: ❖ <i>Người chiến sỹ</i> (1958) ❖ <i>Bài thơ Hắc Hải</i> (1958) ❖ <i>Dòng sông trong xanh</i> (1974) ❖ <i>Tia nắng</i> (1985) ❖ <i>Đất nước</i> (1948 - 1955) ❖ <i>Nhớ</i> ❖ <i>Lá đỏ</i>

nước Việt Nam từ trong vất vả, gian lao đã đứng lên quật khởi, kiên cường.

Trải nghiệm cùng văn bản

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Bước 1. Giao nhiệm vụ: Hãy đọc thầm bài thơ trong thời gian 2 phút. Hãy lắng lại trong từng khổ để tự hình dung vẻ đẹp của quê hương, con người Việt Nam trong bài thơ. * Bước 2. HS đọc thầm. * Bước 3. Chia sẻ hình dung ban đầu về bài thơ * Bước 4. Cùng lắng cảm xúc ban đầu và tổng hợp các ý kiến. * GV hỏi: Theo em, chúng ta nên đọc bài thơ này với giọng như thế nào? Em hãy thể hiện giọng đọc của mình cho cả lớp nghe. * HS đọc và GV nhận xét. *GV nêu yêu cầu đọc- GV đọc. * HS đọc tiếp - Lớp nhận xét. * GV sửa giọng đọc cho HS. * HS đọc chú thích trang 64. *Làm việc cá nhân. Bước 1. GV giao nhiệm vụ: Theo em, bài thơ này có thể chia làm mấy đoạn? Nội dung từng đoạn?	a. Đọc: Giọng đọc vang ngân, tha thiết, tự hào. b. Chú thích: - Trường Sơn. - Áo nâu. (SGK trang 64) c. Bố cục: 2 đoạn. - Đoạn 1 (4 câu đầu): Phong cảnh đất nước hữu tình. - Đoạn 2 (đoạn còn lại): Hình ảnh con người Việt Nam.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3. Đánh giá sản phẩm cá nhân. Bước 4. Chuẩn kiến thức.	
---	--

III. Đọc hiểu chi tiết văn bản.

Phiếu học tập (*a)

	Xác định	Tác dụng
Những hình ảnh tiêu biểu		
Biện pháp tu từ		

Phiếu học tập (*b)

	Vẻ đẹp của con người Việt Nam	Từ ngữ, hình ảnh thể hiện	Tác dụng của những từ ngữ, hình ảnh ấy
Vẻ đẹp thứ nhất			
Vẻ đẹp thứ hai			
Vẻ đẹp thứ ba			
....			

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Sử dụng kỹ năng tưởng tượng TỔ CHỨC THẢO LUẬN NHÓM.	1. Đoạn 1:

Bước 1. GV giao nhiệm vụ: - Nhóm 1,2: Tìm hiểu hình ảnh đất nước trong 4 câu thơ đầu (Khổ 1). Nhận xét? (tưởng tượng về vẻ đẹp đất nước?) + Hoàn thành phiếu học tập số 1 (phụ lục *a) - Nhóm 3,4: Tìm hiểu hình ảnh con người Việt Nam trong đoạn thơ còn lại. Nhận xét? + Hoàn thành phiếu học tập số 2 (phụ lục *b) * Các nhóm tiến hành thảo luận trong thời gian 7 phút. Một số câu hỏi gợi ý thảo luận: - Em hãy chỉ ra cách gieo vần và ngắt nhịp của bốn dòng thơ đầu. - Tìm và nêu tác dụng của những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ đặc sắc mà tác giả sử dụng để miêu tả cảnh sắc quê hương, con người Việt Nam? - Những dòng thơ này gợi cho em nghĩ đến đặc điểm nào của truyền thống dân tộc? * Bước 2. Báo cáo sản phẩm của từng nhóm (mỗi nhóm 3 phút). * Bước 3. Nhận xét và nhận xét	* Vẻ đẹp thiên nhiên đất nước Việt Nam. - Nhà thơ cất tiếng gọi đầy tự hào: <i>Việt Nam đất nước ta ơi!</i> - Trong bốn dòng đầu, tác giả đã chọn những hình ảnh để tái hiện khung cảnh đất nước VN: <i>cánh đồng lúa mênh mông, cánh cò trắng bay lả bay la, đỉnh Trường Sơn bao phủ bởi mây.</i> → Đây là những hình ảnh tiêu biểu, đặc trưng của đất nước VN. Đất nước đi lên từ nền nông nghiệp, luôn mang một vẻ đẹp bình yên, trù phú, ấm no, đáng tự hào và yêu dấu từ bao đời. - Những cánh đồng mênh mông, bát ngát; những cánh cò bay lả rập rờn và đỉnh Trường Sơn mây mờ che phủ như đã được thổi hồn vào làm cho những cảnh vật ấy có sức sống. Đó là vẻ đẹp hùng vĩ, thanh bình, giản dị, mộc mạc của thiên nhiên VN, đồng thời thể hiện tình yêu của tác giả đối với những vẻ đẹp bình dị, dân dã của đất nước. * Nghệ thuật: - Biện pháp tu từ nhân hoá: Việt Nam đất nước ta ơi! - BPTT so sánh không ngang bằng: Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn. - Từ láy: mênh mông, rập rờn - Cách gieo vần của 4 câu thơ đầu: ơi-trời; hơn-rờn-sơn. - Cách ngắt nhịp: câu 1 và câu 3 nhịp 2/2/2, câu 2 và câu 4 nhịp 2/2/2/2
---	--

chéo. * Bước 4. Chuẩn kiến thức. Bước 1. GV giao nhiệm vụ: - GV hỏi cá nhân (nếu các nhóm chưa trình bày trong sản phẩm) về những đặc sắc nghệ thuật của 4 câu thơ đầu? Tác dụng? LÀM VIỆC CÁ NHÂN * Bước 1. GV giao nhiệm vụ: + Tình cảm của tác giả đối với quê hương, đất nước được thể hiện như thế nào trong văn bản? Hãy chỉ ra một số từ ngữ, hình ảnh thể hiện trực tiếp tình cảm ấy? + Văn bản gợi cho em suy nghĩ và cảm xúc gì về con người và cảnh sắc quê hương? * Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. * Bước 3. Nhận xét sản phẩm. * Bước 4. Cùng trải nghiệm cảm	Tác dụng: Những câu thơ cân xứng, nhịp nhàng. Hình ảnh đất nước trở nên gần gũi, thân quen, làm tăng mức độ của đất trời Việt Nam không đâu sánh bằng. Từ đó toát lên vẻ đẹp của quê hương đất nước. 2. Đoạn còn lại: Vẻ đẹp con người Việt Nam. - Những vẻ đẹp của con người Việt Nam: + Sự vất vả, cần cù trong lao động: <i>vất vả in sâu, áo nâu nhuộm bùn.</i> + Sự anh hùng, mạnh mẽ, kiên cường trong chiến đấu (<i>chịu nhiều đau thương, chìm trong máu lửa lại vùng đứng lên, đập quân thù xuống đất đen</i>) nhưng khi trở về cuộc sống đời thường lại hiền lành, chịu thương chịu khó (<i>súng gươm vứt bỏ lại hiền hơn xưa</i>). + Sự thủy chung, khéo léo, chăm chỉ : <i>yêu ai yêu trợn tẩm lòng thủy chung, tay người như có phép tiên, trên tre lá cũng dệt nghìn bài thơ.</i> 3. Tình cảm của tác giả với quê hương, đất nước. -Văn bản đã gợi về một đất nước Việt Nam với rất nhiều cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp, thơ mộng, giàu sức sống và những con người cần cù, chịu khó trong lao động, anh hùng, kiên cường trong chiến đấu và hiền lành, chăm chỉ, thủy chung trong cuộc sống đời thường.
--	---

xúc.	- Tác giả đã thể hiện sự tự hào về quê hương, đất nước qua những khung cảnh thiên nhiên và văn hoá, con người như (<i>mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn, Quê hương biết mấy thân yêu</i>), sự đồng cảm với những vất vả, hi sinh của người dân (<i>bao nhiêu đời đã chịu nhiều đau thương, mặt người vất vả in sâu</i>). Qua đó thể hiện tình cảm yêu mến, quý trọng với dân tộc.
------	--

IV. Sau hoạt động (Tổng kết)

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm				
* Bước 1. Giáo viên giao nhiệm vụ: hãy hoàn thiện phiếu HT: <table border="1" data-bbox="207 974 716 1241"> <tr> <th data-bbox="207 974 461 1058">Nội dung văn bản</th><th data-bbox="461 974 716 1058">Đặc sắc nghệ thuật.</th></tr> <tr> <td data-bbox="207 1094 461 1241"></td><td data-bbox="461 1094 716 1241"></td></tr> </table> * Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. * Bước 3. Báo cáo sản phẩm. * Bước 4. Nhận xét sản phẩm.	Nội dung văn bản	Đặc sắc nghệ thuật.			1. Nghệ thuật. - Thể thơ lục bát. - Hình ảnh độc đáo. - Biện pháp tu từ. 2. Nội dung. Ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên, con người Việt Nam, qua đó thể hiện tình yêu, niềm tự hào về quê hương, đất nước.
Nội dung văn bản	Đặc sắc nghệ thuật.				

Luyện tập sau tiết học

a. Mục tiêu: Đ3, Đ4, GQVĐ (HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản: trả lời các câu hỏi)

b. Nội dung: Trả lời 3 câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

*** Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**

Câu 1. Văn bản “Việt Nam quê hương ta” được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. Theo em những phẩm chất nào của người dân Việt Nam được tác giả Nguyễn Đình Thi nhắc đến trong bài thơ?

Câu 3. Trong bài thơ, em thích nhất câu nào thơ nào? Vì sao?

*** Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**

*** Bước 3. Báo cáo sản phẩm.**

*** Bước 4. Nhận xét sản phẩm**

*** Dự kiến sản phẩm:**

1. Đoạn thơ được viết theo thể thơ lục bát.

2. Những phẩm chất đẹp của người Việt Nam được nhắc đến trong đoạn thơ là:

+ Cần cù, chịu thương chịu khó “Mặt người vất vả in sâu /Gái trai cũng một áo nâu nhuộm bùn”.

+ Anh hùng, dũng cảm “Đất nghèo nuôi những anh hùng /Chìm trong máu lửa lại vùng đứng lên”.

+ Thủy chung, nghĩa tình “ Mắt đen cô gái long lanh / Yêu ai yêu trọn tấm tình thủy chung.”

3. HS trả lời theo cảm xúc của mình và lí giải.

HD Vận dụng sau tiết học **(Có thể vận dụng sau đọc 2 văn bản)**

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ:** Em hãy quan sát bức tranh sau, sử dụng những kiến thức vừa học, tưởng tượng để thiết kế một bức tranh hoặc một sơ đồ tư duy tái hiện lại vẻ đẹp thiên nhiên và con người trong chùm thơ ca ngợi vẻ đẹp quê hương, đất nước.



*** Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**

*** Bước 3. Báo cáo sản phẩm** (nếu không kịp thời gian thì về nhà làm và báo cáo vào tiết học sau)

*** Bước 4. Nhận xét sản phẩm và ngợi khen, thưởng cho các em** (nếu có điều kiện)

*** Rubric đánh giá sơ đồ tư duy bài học**

Mức độ	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí			
Thiết kế sơ đồ tư	Sơ đồ tư duy chưa	Sơ đồ tư duy đủ	Sơ đồ tư duy đầy

duy về các văn bản vừa học	đầy đủ nội dung	nội dung nhưng chưa hấp dẫn.	đủ nội dung và đẹp, khoa học, hấp dẫn.
-------------------------------	-----------------	---------------------------------	---

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM:
VỀ BÀI CA DAO ĐỨNG BÊN NI ĐỒNG, NGÓ BÊN TÊ ĐỒNG...
 (Bùi Mạnh Nhị)

a. Mục tiêu: Đ3, Đ4, N1, GT-HT - GQVĐ

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu và cảm nhận được nội dung, ý nghĩa và những nét mới trong cảm xúc của tác giả Bùi Mạnh Nhị khi viết về một bài ca dao thuộc Văn học dân gian Việt Nam.
- Liên hệ với hai văn bản vừa học để hiểu hơn về chủ đề vẻ đẹp quê hương.

b. Nội dung hoạt động: Làm việc cá nhân và hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung, cách thể hiện cảm xúc của tác giả.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và phiếu học tập đã hoàn thiện

I. Chuẩn bị đọc

HS nghe và xem trực tiếp một bài ngâm về ca dao trên You tube, trình bày cảm nhận (video dài nên GV chủ động thời gian cho HS nghe khoảng 2-3 phút)

GV logic bài học:

*Có câu hát nào đẹp như ca dao dân ca? Ca dao dân ca đã hoà nhập một cách hồn nhiên, kỳ diệu vào tâm hồn tuổi thơ của mỗi người. Ca dao dân ca Việt Nam giàu bản sắc, vô cùng đẹp đẽ và phong phú. Nó là tiếng hát tâm tình nơi bến cũ đò xưa... lưu luyến trong dân gian, phản ánh cuộc sống và ước mơ của nhân dân ta từ bao đời nay. Có những khúc hát ru ngọt ngào chứa chan tình nghĩa. Có những bài hát giao duyên say đắm lòng người. Có những bài ca nói về đất nước quê hương, với nương dâu, ruộng lúa, với hình ảnh duyên say đắm lòng người. Nhiều nhà phê bình gọi ca dao là điệu ví dặm tâm hồn. Hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhà phê bình Bùi Mạnh Nhị cảm hiểu về vẻ đẹp một bài ca dao: **Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng...***

Trước khi đọc hiểu văn bản, GV và HS cùng tìm hiểu sơ qua về tác giả Nguyễn Mạnh Nhị.

Tác giả.

PGS-TSKH Bùi Mạnh Nhị - Vụ trưởng vụ tổ chức cán bộ -Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Quê quán: Xã Thành Lợi, Huyện Vụ Bản, Tỉnh Nam Định.
- Có nhiều bài viết nghiên cứu về các tác giả, tác phẩm in trên nhiều tạp chí khoa học.

→ Đa số các công trình nghiên cứu của Bùi Mạnh Nhị đều tập trung vào văn học dân gian. Chứng tỏ ông rất yêu văn hóa, văn học dân gian Việt Nam...

II. Đọc hiểu văn bản.**Phiếu học tập (*)**

Đoạn	Nét độc đáo của bài ca dao qua cảm nhận của tác giả Bùi Mạnh Nhị
1	Diễn tả tình yêu quê hương, đất nước một cách bình dị, sâu sắc
2	
3	
4	
5	

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Làm việc cá nhân	1. Nội dung bài viết:
* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:	a. Cảm nhận về vẻ đẹp của bài ca dao.

- Em hãy đọc diễn cảm bài ca dao. - Đọc bài viết của Bùi Mạnh Nhị. Thảo luận nhóm. * Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Hãy thảo luận theo bàn để hoàn thiện phiếu học tập trên (*) * Bước 2. Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. * Bước 3. Nhận xét sản phẩm và thu sản phẩm còn lại. * Bước 4. Chuẩn kiến thức. Một số gợi ý: - Theo Bùi Mạnh Nhị, những hình ảnh đặc sắc nào của quê hương đã được khắc họa qua bài ca dao <i>Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng?</i> Làm việc cá nhân. * Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: - Bài viết này đã đề cập đến những nét độc đáo nào về hình thức của bài ca dao? - Hai câu cuối có gì đặc biệt về hình thức nghệ thuật và cách thức thể hiện? <i>Thân em như chên lúa dòng dòng</i> <i>Phất phơ giữa ngọn nắng hồng ban mai.</i>	* Vẻ đẹp về nội dung. - Theo tác giả, hai hình ảnh đặc sắc của quê hương đã được khắc họa đó là vẻ đẹp cả cánh đồng lúa bao la, trù phú, tốt tươi, đầy sức sống. Trên nền thiên nhiên đó là vẻ đẹp của người con gái thon thả, mảnh mai, duyên dáng và đầy sức sống. Hai hình ảnh – cánh đồng và cô gái đã hợp thành bức tranh đồng quê đầy tươi sáng, sinh động. * Vẻ đẹp về hình thức: + Sử dụng các biện pháp nghệ thuật độc đáo: Hai dòng thơ đầu được kéo dài tới 12 tiếng, sử dụng nhiều biện pháp tu từ như đối xứng, điệp ngữ, điệp từ, ngôn ngữ mang màu sắc địa phương. + Bài ca dao có nhiều cách hiểu ở hai dòng thơ cuối: câu trên 7 tiếng, câu dưới 8 tiếng (Lục bát biến thể). Hai dòng thơ cuối có thể là lời của cô gái nhưng cũng có thể là lời của chàng trai, từ đó tạo ra nhiều cách hiểu khác nhau về ý nghĩa của câu ca dao (gợi vẻ đẹp e ấp những cũng có thể gợi số phận...).
--	---

* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. * Bước 3. Nhận xét sản phẩm * Bước 4. Chuẩn kiến thức. Làm việc cá nhân: * Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: - Bài viết đã thể hiện cảm xúc gì của tác giả khi đọc bài ca dao? Nêu một số chi tiết trong văn bản làm căn cứ cho ý kiến của em. * Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. * Bước 3. Nhận xét sản phẩm * Bước 4. Chuẩn kiến thức. Làm việc cá nhân: * Bước 1. GV giao nhiệm vụ: Theo em bài viết thành công ở điểm nào? * Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. * Bước 3. Nhận xét sản phẩm. * Bước 4. Chuẩn kiến thức.	b. Cảm xúc của tác giả. - Sự yêu mến, trân trọng với vẻ đẹp của thiên nhiên và con người quê hương (chi tiết tác giả nói về cánh đồng: cánh đồng không chỉ rộng lớn, mênh mông mà còn rất đẹp, trù phú, đầy sức sống; đó chính là con người, là cô thôn nữ thon thả, mảnh mai, duyên dáng và đầy sức sống...) 2. Nét độc đáo của bài viết. - Ngôn ngữ bình dị, không cầu kì, chau chuốt. - Tác giả viết về bài ca dao bằng cảm xúc rất chân thật nên dễ dàng tạo sự đồng điệu với người đọc. → Bài viết là một bài nghị luận văn học chứa đựng cảm xúc và tình yêu văn học dân gian, tình yêu quê hương của tác giả Bùi Mạnh Nhị.
---	---

a. Mục tiêu: Đ5,N1,V1, GQVĐ.

(HS biết tận dụng kiến thức về thơ lục bát, ngữ liệu ở phần đọc hiểu văn bản để thực hiện các bài tập Tiếng Việt giáo viên giao)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thiện các bài tập.

c. Sản phẩm: Bài tập đã hoàn thiện của cá nhân hoặc nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm.
Làm việc cá nhân * Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: - Em hãy cho biết vì sao phải lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa văn bản? Lấy ví dụ minh họa cho sự lựa chọn từ ngữ ? - Có những thao tác nào để lựa chọn từ ngữ phù hợp? Khi lựa chọn những từ ngữ phù hợp, ta phải chú ý điều gì? *Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. * Bước 3. Nhận xét sản phẩm. * Bước 4. Chuẩn kiến thức. * Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Đọc đoạn ca dao sau: <i>Phồn hoa thứ nhất Long Thành Phố giảng mắc cửi, đường quanh bàn cờ. Người về nhớ cảnh ngấn ngơ, Bút hoa xin chép bài thơ lưu truyền.</i> Và trả lời các câu hỏi:	I. Lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa văn bản. 1. Tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa văn bản. - Lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa văn bản giúp diễn đạt chính xác và hiệu quả điều mà người nói (người viết) muốn thể hiện. VD: <i>So với cánh đồng bao la, bát ngát, cô gái quá nhỏ bé, mảnh mai.</i> → Từ <i>mảnh mai</i> sử dụng rất phù hợp với việc miêu tả vẻ đẹp của cô gái: vẻ đẹp ưa nhìn. 2. Cách lựa chọn từ ngữ thích hợp khi nói hoặc viết. - Xác định nội dung cần diễn đạt. - Huy động các từ ngữ đồng nghĩa, gần nghĩa; từ đó lựa chọn những từ ngữ có khả năng diễn đạt chính xác nhất nội dung muốn thể hiện. - Chú ý khả năng kết hợp hài hòa giữa từ ngữ được lựa chọn với những từ ngữ đứng trước và sau nó trong cùng một câu (đoạn văn). II. Thực hành. 1. Bài tập 1 – SKG trang 67 a. Từ “phồn hoa” được hiểu là cảnh sống giàu có, xa hoa còn “phồn vinh” được dùng để miêu tả đất nước ở vào giai đoạn giàu có, thịnh vượng. Vì vậy, câu thơ này chỉ cảnh buôn bán

a. Từ “phồn hoa” trong dòng thơ thứ nhất nên được hiểu như thế nào? Liệu có thể thay từ “phồn hoa” bằng từ “phồn vinh” được hay không? Hãy lí giải. b. Tìm và nêu hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu “Phố giăng mắc cửi, đường quanh bàn cờ”. c. Xác định và chỉ ra tác dụng của việc sử dụng từ láy trong đoạn ca dao trên. d. Trong dòng thơ cuối, có thể sử dụng cụm từ “bút đây” thay cho “bút hoa” được không? Sự lựa chọn từ “bút hoa” góp phần thể hiện sắc thái ý nghĩa gì của bài ca dao. *Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. * Bước 3. Nhận xét sản phẩm. * Bước 4. Chuẩn kiến thức. * Chuyển giao nhiệm vụ: Đọc bài ca dao sau: <i>Ai ơi về miệt Tháp Mười</i> <i>Cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn.</i> Và trả lời các câu hỏi sau: a. Từ “sẵn” trong câu “Cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn” có nghĩa là gì? Việc lựa chọn từ “sẵn” trong bài ca dao này có phù hợp với nội dung mà tác giả muốn thể hiện không? Vì sao? b. Tìm và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong bài ca dao trên. * Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: * Tổ chức trò chơi Ai nhanh hơn? Trong thời gian 5 phút, HS nào nổi cột	tấp nập, giàu có của mảnh đất kinh thành xưa nên dùng từ “phồn hoa” là thích hợp nhất. b. Tác giả sử dụng biện pháp tu từ so sánh <i>phố - mắc cửi, đường – bàn cờ</i> => Tác dụng: giúp người đọc hình dung được tính chất sầm uất, đông vui của phố thị. c. Từ láy “ngăn ngor” thể hiện trạng thái bị cuốn hút đến ngơ ngàng của tác giả trước vẻ xa hoa, sầm uất của phố phường. d. Từ “bút hoa” thể hiện tài năng xuất sắc của người làm nên bài thơ sử dụng từ này có ý nghĩa và hay hơn so với từ “bút đây”. 2. Bài tập 2 – SGK trang 68. a. Từ “sẵn” được hiểu là có nhiều đến mức cần bao nhiêu cũng có thể có ngay bấy nhiêu. Việc lựa chọn từ “sẵn” phù hợp với nội dung bài thơ để nhằm thể hiện sự trù phú, giàu có của thiên nhiên đã ban tặng cho con người vùng đất Tháp Mười. b. Tác giả sử dụng biện pháp điệp từ “sẵn” nhằm nhấn mạnh tính chất giàu có của thiên nhiên Tháp Mười. 3. Bài 3 – SGK trang 68. Bảng nổi cột như sau: 1 – e (đề xuất). 2 – g (đề cử).
---	---

nhANH NHẤT và số câu đúng nhiều nhất sẽ chiến thắng

- Tìm từ ở cột B có nghĩa phù hợp với các chỗ trống trong câu ở cột A.

***Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**

*** Bước 3. Báo cáo sản phẩm.**

*** Bước 4. Nhận xét sản phẩm.**

*** Bước 5. Chuẩn kiến thức.**

*** GV chiếu lên màn hình các câu hoàn chỉnh và bôi đỏ những từ điền vào chỗ trống cho HS dễ quan sát.**

***Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:
Bài ca dao, chỉ với bốn dòng ngắn ngủi nhưng đã mở ra một không gian bao la của đồng quê và một thế giới cảm xúc của người dân quê, vừa thiết tha sâu lắng. Bài ca dao cũng cho thấy lời ăn tiếng nói vốn dân dã, mộc mạc của mỗi miền quê, khi đã thành lời ca, điệu hát thì sẽ trở nên tha thiết, ngọt ngào như thế nào. Có cái gì khiến ta băng khuâng, xao

- 3 – h (biểu)
- 4 – k (tặng)
- 5 – i (hoàn chỉnh)
- 6 – a (hoàn thành)
- 7 – b (con)
- 8 – c (chú)
- 9 – đ (long lanh)
- 10 – d (lung linh).

1. Để giải quyết vấn đề này, các em nên chủ động **đề xuất** những phương án giải quyết.

2. Bạn Nga **đề cử** bạn Nam làm lớp trưởng

3. Bà ơi, mẹ cháu bảo đem sang **biểu** bà một ít cam ạ!

4. Ngày chia tay mái trường Tiểu học, tôi đã **tặng** cho người bạn thân nhất của mình một món quà nhỏ để làm kỉ niệm.

5. Một bài văn **hoàn chỉnh** cần có ba phần: mở bài, thân bài và kết bài.

6. Sau buổi học hôm nay, các em về nhà nhớ **hoàn thành** những bài tập còn lại nhé!

7. Người thợ săn bị một **con** hổ tấn công.

8. **Chú** mèo ấy là món quà đặc biệt mà bà ngoại đã mang từ quê lên cho tôi vào dịp hè năm ngoái.

9. Đôi mắt nó **long lanh** như hai hòn bi ve.

10. Bóng trắng **lung linh** trên mặt nước.

4. Bài tập 4 - SGK trang 68:

- Các từ lấy trong đoạn văn trên: **dân dã, mộc mạc, tha thiết, thiết tha, băng khuâng, ngọt ngào, ngắn ngủi, xao xuyến**. Các từ lấy đó góp phần nhấn mạnh sự chất phác, mộc mạc thôn quê

xuyên mãi trong mây chữ đơn sơ này: “Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng”. Tìm từ láy trong đoạn văn trên. Những từ láy đó có tác dụng gì đối với việc thể hiện nội dung của đoạn văn ?. *Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. * Bước 3. Báo cáo sản phẩm. * Bước 4. Nhận xét sản phẩm. * Bước 5. Chuẩn kiến thức.	của bài ca dao và giúp người đọc hình dung rõ hơn tâm trạng, cảm xúc của tác giả đối với bài ca dao.
---	---

VIẾT NGẮN

a. Mục tiêu: HS sáng tạo, vận dụng kiến thức, kĩ năng từ việc đọc và thực hành tiếng Việt để hoàn thiện được một đoạn văn ngắn có nội dung về chủ đề bài học.

b. Nội dung: Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về bộ sưu tập ảnh quê hương của mình.

c. Sản phẩm: Bộ sưu tập ảnh, đoạn văn đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện.

*** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Hãy tự vẽ hoặc sưu tầm một số hình ảnh về quê hương, đất nước và viết một đoạn văn khoảng 150 – 200 chữ giới thiệu về bộ sưu tập của mình.

*** Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ (về nhà).**

*** Bước 3: Nộp sản phẩm vào tiết học sau.**

*** Bước 4: Bình chọn sản phẩm chất lượng nhất.**

- Tất cả các sản phẩm (nhóm hoặc cá nhân) đều được treo xung quanh lớp để cả lớp có thể dễ dàng quan sát và nhận xét, bình chọn (**kĩ thuật phòng tranh**)

1. Tổ chức bình chọn.

+ GV đưa ra tiêu chí bình chọn.

+ Cá nhân hoặc nhóm nhận phiếu tiêu chí và tiến hành bình chọn.

+ Thu phiếu đánh giá.

+ Công bố kết quả bình chọn và trao phần thưởng

Một số tiêu chí bình chọn sản phẩm:

Tiêu chí	Đạt/không đạt
Sự phù hợp của hình ảnh với đề bài	
Sự phù hợp của đoạn văn với hình ảnh	
Có dẫn nguồn thông tin rõ ràng về các hình ảnh đã sử dụng	

2. Trò chơi: Tìm về địa điểm du lịch hấp dẫn (chủ đề quê hương)

- Sản phẩm nào được bình chọn cao nhất thì tác giả của sản phẩm đó sẽ đóng vai là một hướng dẫn viên du lịch giới thiệu về địa điểm du lịch này.
- Nêu ấn tượng khi nghe hướng dẫn viên giới thiệu (Nhận xét)

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI**Văn bản: HOA BÌM.**

(Nguyễn Đức Mậu).

a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ4, GQVĐ

- HS hiểu nội dung, nghệ thuật của bài thơ nói riêng và thơ lục bát nói chung.
- Có cái nhìn rộng hơn, toàn diện hơn về thơ lục bát.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi.**c. Sản phẩm: Câu trả lời, bài tập đã hoàn thiện của HS.****d. Tổ chức thực hiện.****I. Chuẩn bị đọc**

*** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Hãy qua sát các bức ảnh sau và trả lời câu hỏi.



*** Bước 2: HS trả lời một số câu hỏi:**

- Những bức ảnh trên chụp loài hoa gì?
- Theo em, loài hoa này gợi cảm xúc cho nhà thơ Nguyễn Đức Mậu như thế nào?

*** Bước 3: HS trả lời câu hỏi**

- Hoa bìm bìm (hoa bìm)
- Là một loài hoa mang vẻ đẹp tự nhiên, cánh mỏng manh, nhiều màu sắc, gợi cảm xúc cho nhà thơ Nguyễn Đức Mậu.

*** Bước 4: Nhận xét.**

Trước khi trải nghiệm cùng văn bản, GV cùng HS tìm hiểu đôi nét về tác giả Nguyễn Đức Mậu.

Tác giả.



Nhà thơ Nguyễn Đức Mậu

- Nhà thơ Nguyễn Đức Mậu: sinh năm 1948 tại xã Nam Điền (Nam Trực), Nam Định.
- Trong số các nhà thơ trưởng thành từ kháng chiến chống Mỹ, Nguyễn Đức Mậu có một vị trí đặc biệt với những tác phẩm mang dáng dấp riêng. Thơ ông thiên về

tự sự, đầy chất lính và rất giản dị, tình cảm. “Nói thì dễ, nhưng làm thơ đạt đến sự giản dị khó vô cùng, nếu không có sự từng trải và đi đến tận cùng”.

GV đọc hoặc chiếu một số đoạn thơ hay của Nguyễn Đức Mậu:

- “Một sớm sông Hồng mười bảy tuổi
Hoa gạo rơi trong nỗi nhớ nhà”
- “Qua nhiều dòng suối sâu tôi tìm được một viên đá nhỏ
Qua nhiều đêm rừng tôi nhặt về khắc khoải giọng từ quy
Qua bãi bom ngổn ngang bối đất sâu tôi tìm được
Cái cúc áo người phá bom trong vàng sắc hoa quỳ”.
- “Bến quê một nhánh sông gầy
Một con đò nhỏ chở ngày và đêm
Chở anh về phía không em
Bao xa vắng cứ đầy thêm đò chiều”

II. Đọc hiểu văn bản

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Bức tranh quê hiện lên với những hình ảnh nào? Theo em hình ảnh nào là tâm điểm của bức tranh quê? - Hãy nhận xét về bức tranh quê trong bài thơ? * Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. * Bước 3. Nhận xét sản phẩm. * Bước 4. Chuẩn kiến thức.	a. Bức tranh quê. Những hình ảnh nổi bật: - Hoa bìm bìm - Chuồn ớt - Cây hồng trĩu quả - Cánh diều - Bến nước, con thuyền - Cánh bèo - Cào cào - Tiếng dế mèn - Bầy đom đóm - Tiếng cuốc kêu Trong đó, hình ảnh hoa bìm là trung tâm, được nhà thơ nhắc đến ở đầu bài thơ và kết thúc bài thơ cũng là hình ảnh loài hoa mỏng manh này. * Nhận xét: Bức tranh quê với những hình ảnh bình dị, đời thường, gắn với tuổi thơ của tác giả. Đồng thời đánh thức tuổi thơ trong mỗi người con xa quê.

* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: tình cảm của tác giả đối với quê hương được thể hiện qua bài thơ như thế nào? * Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. * Bước 3. Nhận xét sản phẩm. * Bước 4. Chuẩn kiến thức. * Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: - Bài thơ có những nét nghệ thuật độc đáo nào? - Chỉ ra những đặc điểm của thể thơ lục bát trong bài thơ trên?. * Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. * Bước 3. Nhận xét sản phẩm. * Bước 4. Chuẩn kiến thức.	b. Tâm trạng nhà thơ. - Tác giả đã thể hiện tình cảm với quê hương khi gợi nhắc lại những kỉ niệm của tuổi thơ, những hình ảnh giản dị, đời thường gắn với cuộc sống thường ngày. Qua đó thấy được tâm trạng nhớ thương da diết, mong được trở về quê hương yêu dấu và tình yêu quê hương tha thiết của nhà thơ. c. Nghệ thuật - Thể thơ lục bát. - Sử dụng nhiều biện pháp tu từ: nhân hóa, điệp từ, liệt kê... * Đặc điểm thơ lục bát trong bài thơ: - Bài thơ gồm các cặp câu lục bát - Về cách gieo vần: + Tiếng thứ sáu của dòng lục vần với tiếng thứ sáu của dòng bát kể nó: <i>bìm-tìm, ngư-hờ, sai-vài, dim-chim, gầy-đầy, tơ-nhờ</i> + Tiếng thứ tám dòng bát vần với tiếng thứ sáu của dòng lục kể theo: <i>thơ-ngơ, gai-sai, chim-dim, mây-gầy</i> - Về ngắt nhịp: ngắt nhịp chẵn câu lục ngắt nhịp 2/2/2, câu bát ngắt nhịp 4/4 - Về thanh điệu: có sự phối hợp giữa các tiếng trong một cặp câu lục bát: các tiếng ở vị trí 2,4,6,8 đều tuân thủ chặt chẽ theo quy định: tiếng thứ 2 là thanh bằng, tiếng thứ 4 thanh trắc, tiếng thứ 6 và 8 là thanh bằng.
--	--

Luyện tập sau tiết học mở rộng chủ đề

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: bài tập đã hoàn thiện của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: - Nêu ít nhất một nét độc đáo của bài thơ được thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh hoặc biện pháp tu từ. *Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. * Bước 3. Nhận xét sản phẩm. * Bước 4. Chuẩn kiến thức.	- Bài thơ được làm bằng thể thơ lục bát, ngôn ngữ bình dị thể hiện nét gần gũi với cuộc sống chốn thôn quê. Tác giả đã sử dụng điệp từ “có” kết hợp với biện pháp liệt kê để gợi nhắc những hình ảnh thân thuộc gắn bó với tuổi thơ: <i>có con chuồn ớt lơ ngơ, có cây hồng trĩu cành sai, có con mắt lá lim dim, có con thuyền giấy.....</i> Từ đó, tác giả đã vẽ lên một khung cảnh thiên nhiên thân thuộc, gần gũi, sống động với người đọc và bộc lộ được cảm xúc, nỗi nhớ của mình với quê hương tuổi thơ.

VIẾT LÀM MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT

a. Mục tiêu: V1 – GQVĐ (HS hiểu được cách làm thơ lục bát, vận dụng kiến thức lí thuyết đã học để tự sáng tác một bài thơ lục bát).

b. Nội dung: Nhắc lại lí thuyết, phân tích đặc điểm thơ lục bát trong một vài ví dụ, tập làm thơ lục bát.

c. Sản phẩm: BT đã hoàn thiện của cá nhân.

d. Tổ chức thực hiện.

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:	I. Lí thuyết:

Hãy đọc SGK trang 70,71 và trả lời câu hỏi?

- Em hiểu thế nào là một bài thơ?
- Thơ khác văn xuôi ở điểm nào?
- Khi nào người ta làm thơ? Khi sáng tác thơ cần đảm bảo những yêu cầu gì?
- Nhắc lại thơ lục bát và đặc điểm thơ lục bát?

*** Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**

*** Bước 3. Nhận xét sản phẩm.**

*** Bước 4. Chuẩn kiến thức.**

Nhà thơ Nguyễn Đức Mậu cho rằng: *Không có cảm xúc làm sao có những câu thơ rung động...*

*** Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Hãy hoàn thiện các bài tập sau:

1. Cách ngắt nhịp của thơ lục bát thường là nhịp chẵn. Tuy nhiên, cách ngắt nhịp của dòng thơ thứ 4 là 3/3/2. Việc ngắt nhịp như thế có tác dụng gì?
2. Dựa vào hiểu biết về thể thơ lục bát, em hãy chỉ ra cách hiệp vần và sự phối hợp thanh điệu của bài thơ trên bằng cách điền vào bảng sau:

Tiếng/	1	2	3	4	5	6	7	8
--------	---	---	---	---	---	---	---	---

1. Thơ và yêu cầu khi sáng tác thơ.

a. Thơ: là khái niệm chỉ các loại sáng tác văn học có vần điệu, có đặc điểm ngắn gọn, súc tích, nhiều ý cô đọng...

b. Sáng tác thơ.

*** Nội dung:**

- Thể hiện được cách nhìn, cách cảm nhận mới lạ, sâu sắc, thú vị... về cuộc sống.

*** Nghệ thuật:**

- Ngôn ngữ: hàm súc, gợi hình gợi cảm.
- Sử dụng các biện pháp tu từ để tạo những liên tưởng độc đáo, thú vị (**nhân hóa, so sánh, ẩn dụ...**).
- Sử dụng vần, nhịp một cách hợp lí để làm tăng giá trị biểu đạt của ngôn từ.

2. Thơ lục bát và đặc điểm thơ lục bát (Tri thức đọc hiểu)

II. Phân tích kiểu văn bản.

1. Ngữ liệu: Bài thơ *Chăn trâu đốt lửa*

Chăn trâu đốt lửa trên đồng

Rạ rơm thì ít gió đông thì nhiều

Mải mê đuổi một con diều

Củ khoai nướng để cả chiều thành tro.

2. Phân tích kiểu văn bản.

a. Cách ngắt nhịp của dòng thơ thứ 4 là: "Củ khoai nướng/ để cả chiều/ thành tro" khác với cách ngắt nhịp thông thường trong thơ lục bát đã góp phần diễn tả cảm xúc băng khuâng của nhà thơ, khi khoảnh khắc hoàng hôn đang đến.

b. Cách hiệp vần và phối thanh của thơ lục bát

+ Sự hiệp vần: *đồng – đông, nhiều – diều – chiều.*

+ Bảng phối thanh:

Tiếng/ Dòng	1	2	3	4	5	6	7	8
----------------	---	---	---	---	---	---	---	---

Dòng								
Lục								
Bát								
Lục								
Bát								

3. Cảnh sắc thiên nhiên và hoạt động của con người trong bài thơ được miêu tả chi tiết, rõ ràng, tỉ mỉ hay được thể hiện bằng một vài chi tiết, một vài nét tiêu biểu? Việc thể hiện như thế có tác dụng gì?

4. Cảm xúc của tác giả trong bài thơ được thể hiện trực tiếp hay gián tiếp, thông qua những hình ảnh nào?

5. Theo em, nét độc đáo của bài thơ này là gì?

6. Từ việc tìm hiểu bài thơ trên, em học được điều gì về cách làm thơ lục bát?

*** Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**

*** Bước 3. Nhận xét sản phẩm.**

*** Bước 4. Chuẩn kiến thức.**

Lục	B	B	T	T	B	B		
Bát	T	B	B	T	T	B	B	B
Lục	T	B	T	T	B	B		
Bát	T	B	T	T	T	B	B	B

c. Cảnh sắc thiên nhiên và hoạt động của con người trong bài thơ được thể hiện bằng một vài chi tiết, một vài nét tiêu biểu: **chăn trâu, thả diều, nướng khoai** đến những nét tiêu biểu như **gió đông** hay **khoảnh khắc hoàng hôn** đến. Việc sử dụng các chi tiết chấm phá, tiêu biểu, ngôn từ giản dị nhưng giàu sức gợi đã tạo nên bức tranh đồng quê thanh bình, yên ả.

d. **Cảm xúc** của tác giả được thể hiện gián tiếp qua việc kể về buổi chiều **chăn trâu, thả diều, nướng khoai**, qua cảm nhận về “**gió đông**”, về **khoảnh khắc hoàng hôn đang dần buông**. Tất cả đã hoà quyện để cùng diễn tả cảm xúc của tác giả.

e. Bài thơ có nét độc đáo trong nghệ thuật, tác giả sử dụng **phép đối** giữa ít-nhiều, rạ rơm (hữu hình) với gió đông (vô hình). Đó còn là **sự liên tưởng độc đáo**: củ khoai nướng bị cháy hồng rực đến cảnh hoàng hôn bao trùm không gian rộng lớn.

f. **Cách làm thơ lục bát về vắn, nhịp, thanh điệu**: bài thơ có các câu lục và câu bát xen kẽ, tiếng thứ sáu của câu lục thứ nhất hiệp vần với tiếng thứ sáu của câu bát thứ nhất. Tiếng thứ tám của câu bát thứ nhất hiệp vần với tiếng thứ sáu của câu lục thứ hai và tiếng thứ sáu của dòng bát thứ hai.

III. Sáng tác thơ lục bát.

* Bước 1. GV giao nhiệm vụ: Dựa vào lí thuyết đã học về thơ lục bát, em hãy tự sáng tác một bài hoặc một cặp câu lục bát (chủ đề tùy chọn). Gợi ý: Em có thể tham khảo đề bài trong SGK trang 72. * Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. (Có thể giao về nhà) * Bước 3. Nhận xét sản phẩm. * Bước 4. Khen thưởng.	Các bước thực hiện: 1. Xác định đề tài, đối tượng, mục đích. (Gia đình, quê hương, bố mẹ, mái trường, thầy cô, bạn bè...). 2. Tìm ý tưởng cho bài thơ. - Ý tưởng có thể đến bất chợt, cũng có thể là những sự việc, con người, cảnh sắc đã diễn ra mà mình ấn tượng sâu sắc. - Suy nghĩ về ý tưởng mà mình muốn viết (thể hiện). - Chọn một ý tưởng (sự việc, con người...) mà mình tâm đắc nhất. 3. Làm bài thơ lục bát. - Thể hiện ý tưởng ra bằng từng dòng thơ. - Lần lượt điền các tiếng của từng dòng thơ vào bảng quy định thanh điệu và hiệp vần của thơ lục bát. (Bảng bên dưới) - Cần sử dụng các biện pháp tu từ để tăng hiệu quả nghệ thuật cho bài thơ (ẩn dụ, so sánh, nhân hóa...) - Chú ý giọng điệu phù hợp với nội dung, cảm xúc mình muốn thể hiện.
---	--

Bảng quy định về thanh điệu và hiệp vần

Tiếng Dòng	1	2	3	4	5	6	7	8
Lục		thanh h		thanh		thanh: vần		
Bát						thanh: vần		thanh: vần:
Lục		thanh h		thanh		thanh: vần		
Bát						thanh: vần		thanh: vần

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Sử dụng bảng	II. Sáng tác thơ lục bát (tiếp theo). 4. Chỉnh sửa và chia sẻ.

tự đánh giá (*)	- Kiểm tra xem tiếng nào, dòng nào chưa chuẩn thì sửa lại. - Tuy nhiên, thơ không chỉ đúng về luật mà còn cảm xúc. Câu nào chưa thể hiện cảm xúc cũng cần phải sửa (thay đổi). - Đọc diễn cảm bài thơ bằng giọng điệu phù hợp. Sau đó dùng bảng (bên dưới) để điều chỉnh nội dung và hình thức bài thơ. - Chia sẻ bài thơ với người thân trong gia đình hoặc bạn bè để mọi người góp ý giúp. Sau đó lại tiếp tục điều chỉnh cho đến lúc bản thân thấy thật ưng ý.
-----------------	--

Bảng tự đánh giá hình thức và nội dung bài thơ (*)

Phương diện	Nội dung kiểm tra	Đạt/ Chưa đạt
Hình thức	Bài thơ gồm các dòng lục (6 tiếng) và các dòng bát (8 tiếng).	
	Các dòng thơ chủ yếu được ngắt theo nhịp chẵn.	
	Cách hiệp vần: tiếng thứ 6 của câu lục hiệp vần với tiếng thứ 6 của câu bát kế nó.	
	Tiếng thứ 8 của câu bát đó lại vần với tiếng thứ 6 của câu lục kế tiếp.	
	Bài thơ sử dụng một số biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa, điệp từ...	
Nội dung	Bài thơ thể hiện được một trạng thái cảm xúc, một suy nghĩ, một cách nhìn nào đó về cuộc sống.	

VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT

a. Mục tiêu: V -GQVĐ

HS biết cách viết một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.

b. Nội dung: làm việc cá nhân và thảo luận nhóm.

c. Sản phẩm: Đoạn văn đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện.

I. Trước hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Hãy đọc đoạn văn sau (trích từ bài làm của một bạn học sinh) và trả lời câu hỏi: - Đoạn văn có nội dung gì? - Nhận xét về cách diễn đạt, cách sử dụng từ ngữ và cách biểu lộ cảm xúc của người viết? <i>Tình anh em, yêu thương, hoà thuận, trên kính dưới nhường như tay gắn bó với chân, sự gắn bó bằng đường gân, mạch máu:</i> <i>Anh em như thể tay chân</i> <i>Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần</i> <i>Đây cũng là cách dùng một hình ảnh đối chiếu, so sánh “anh – em” với “tay, chân”, mở ra trong suy nghĩ của người nghe nhiều liên tưởng, tưởng tượng. Nói khác đi, ông bà, cha mẹ luôn mong muốn con cái trong một nhà thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau, gắn bó với nhau như tay với chân trong một cơ thể. Cái cơ thể ấy chính là gia đình. Người tiêu biểu cho gia đình chính là cha mẹ. Tình cảm anh em nằm trong tình thương yêu của cha mẹ. Vì thế, anh em hoà thuận sẽ đem lại niềm vui, hạnh phúc cho cha mẹ “Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần”</i> * Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ. * Bước 3: Nhận xét. * Bước 4: Nhận xét lại đoạn văn.	- Đoạn văn này chưa có câu chủ đề. - Đoạn văn chưa trình bày cảm xúc về bài ca dao mà chỉ phân tích ý nghĩa...

II. Trong hoạt động (Trải nghiệm quá trình viết)

a. Mục tiêu: N1, V2, GQVĐ (HS biết cách viết một đoạn văn nói chung và viết một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát nói riêng).

b. Nội dung: làm việc cá nhân để tạo lập một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.

- c. Sản phẩm:** Câu trả lời, bài tập đã hoàn thiện của HS.
d. Tổ chức thực hiện.

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Hãy đọc SGK trang 75 và trả lời các câu hỏi trang 76. - Đoạn văn có trình bày rõ những cảm xúc của người viết về bài thơ lục bát không? - Tác giả đoạn văn có sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc không? Nội dung của từng phần là gì? *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ. *Bước 3: Nhận xét. * Bước 4: Chuẩn kiến thức.	I. Phân tích ngữ liệu Tìm hiểu ngữ liệu SGK trang 75 (Đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài ca dao) - Đoạn văn trình bày rõ những cảm xúc của người viết về bài ca dao: <i>Công cha như núi ngất trời...</i> - Tác giả đoạn văn sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc về nội dung, nghệ thuật của bài ca dao. - Nội dung từng phần: + Mở đoạn: Nêu cảm xúc sâu lắng của bản thân khi đọc bài ca dao. + Thân đoạn: Gồm 5 câu văn (từ câu 2 đến câu 6) trình bày cảm xúc về vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật của bài ca dao, nêu cảm xúc khi đọc bài ca dao này. Tác giả đoạn văn đã làm rõ cảm xúc qua việc đưa ra các từ ngữ ,câu văn giàu sắc thái biểu cảm: “núi ngất trời”, “Nước ở ngoài biển Đông”, “núi cao biển rộng”, “cù lao chín chữ”, “ghi lòng”. +Kết đoạn: Nêu ý nghĩa, bài học rút ra từ bài ca dao.
* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Qua phần tìm hiểu ngữ liệu trên, hãy cho biết: - Thế nào là đoạn văn? - Cấu trúc một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát gồm mấy phần? Vai trò của từng phần? - Yêu cầu khi viết một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát là gì?	II. Đoạn văn. - Đoạn văn là đơn vị trực tiếp tạo nên văn bản, biểu đạt một nội dung tương đối trọn vẹn. -Về hình thức: đoạn văn thường do nhiều câu tạo thành, được bắt đầu bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng và kết thúc bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn. III. Đoạn văn ghi lại cảm xúc về

*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ. *Bước 3: Nhận xét. * Bước 4: Chuẩn kiến thức.	một bài thơ lục bát. 1. Cấu trúc: 3 phần * Mở đoạn: Giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm xúc chung về bài thơ. * Thân đoạn: Trình bày cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. Làm rõ cảm xúc bằng những hình ảnh, từ ngữ trích từ bài thơ. * Kết đoạn: Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với bản thân. 2. Yêu cầu khi viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát. - Đảm bảo yêu cầu về hình thức của một đoạn văn (cấu trúc). - Đoạn văn phải thể hiện được cảm xúc của mình về một bài thơ lục bát. - Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc.
--	---

III. Thực hành viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Có mấy bước để viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát? *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ. *Bước 3: Nhận xét. * Bước 4: Chuẩn kiến thức. * Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ. - Xác định đề tài bằng cách trả lời các câu hỏi sau: + Đề bài yêu cầu viết về vấn đề gì? + Đoạn văn thuộc kiểu bài gì? + Độ dài đoạn văn là bao nhiêu?	* 4 bước 1. Chuẩn bị trước khi viết 2. Tìm ý và lập dàn ý. 3. Viết đoạn văn. 4. Chỉnh sửa đoạn văn * Cụ thể: 1. Chuẩn bị trước khi viết - Xác định đề tài: - Thu thập tư liệu.

- Cần tìm những thông tin nào? Tìm thông tin ấy ở đâu? *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ. *Bước 3: Nhận xét. * Bước 4: Chuẩn kiến thức. Bước này, GV chủ động hướng dẫn lí thuyết để HS biết cách tìm ý. * Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Em hãy tìm ý cho bài đã chọn. * Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ. * Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Sắp xếp các ý theo trình tự cảm xúc thành một dàn ý chi tiết. * Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ. Viết đoạn văn: * Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Em hãy dựa vào dàn ý đã lập để tiến hành viết đoạn văn (từ 150 từ đến 200 từ). * Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.	2. Tìm ý và lập dàn ý. a. Tìm ý - Xác định cảm xúc mà bài thơ mang lại. - Xác định chủ đề của bài thơ. - Tìm và xác định ý nghĩa của những từ ngữ, hình ảnh độc đáo, biện pháp tu từ...có trong bài thơ. - Ghi nhanh những cụm từ thể hiện ý tưởng trên. b. Lập dàn ý. Sắp xếp các ý theo trình tự cảm xúc thành một dàn ý gồm 3 phần: *Mở đoạn: Giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm xúc chung về bài thơ. * Thân đoạn: Trình bày chi tiết cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. * Kết đoạn: Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với bản thân. 3. Viết đoạn văn. 4. Chỉnh sửa đoạn văn (tự đánh giá đoạn văn theo bảng dưới) - Tự chỉnh sửa bằng cách bổ sung những chỗ còn thiếu hoặc chưa đúng. - Tự đánh giá và rút kinh nghiệm.
---	---

Bảng kiểm tra đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát

Các phần của đoạn văn	Nội dung kiểm tra	Đạt/ Chưa đạt
	Mở đoạn bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng	
	Dùng ngôi thứ nhất để ghi lại cảm xúc của mình	

Mở đoạn	về bài thơ.	
	Có câu chủ đề nêu tên bài thơ, tên tác giả (nếu có) và cảm xúc khái quát về bài thơ.	
Thân đoạn	Trình bày cảm xúc về bài thơ theo một trình tự hợp lí bằng một số câu.	
	Trích một số từ ngữ, hình ảnh gợi cảm xúc trong bài thơ.	
Kết đoạn	Khẳng định lại cảm xúc và ý nghĩa bài thơ với bản thân.	
	Kết đoạn bằng một dấu câu dùng để ngắt đoạn.	

NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT

- a. Mục tiêu:** N1 (HS có khả năng trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát (dạng nói)).
- b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân để hoàn thành tất cả các công đoạn của bài nói (biện pháp động não).
- c. Sản phẩm:** Bài nói (trình bày) của HS trước tập thể lớp với nội dung trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát.
- d. Tổ chức thực hiện.**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm.
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Em hãy đọc SGK trang 78, 79 và cho biết: Theo em có mấy bước thực hiện một bài trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát? Đó là những bước nào? * Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ. * Bước 3: Nhận xét. * Bước 4: Chuẩn kiến thức. Cụ thể từng bước: * Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Em hãy trả lời các câu hỏi sau:	I. Các bước thực hiện. 4 bước: -Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian, thời gian nói. -Tìm ý và lập dàn ý. - Luyện tập và trình bày. - Trao đổi, đánh giá. Cụ thể từng bước: *Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian, thời

- Em định trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát nào? Bài thơ đó viết về đề tài gì? (Quê hương, đất nước, mái trường, tình bạn...) - Đối tượng mà em hướng tới khi trình bày là ai? (bố mẹ, thầy cô, bạn bè...). - Mục đích bài trình bày là gì? - Em chọn không gian nào để trình bày? (lớp học hay sân khấu). - Thời gian trình bày vào lúc nào? (trong tiết học chính khóa hay ngoại khóa về thơ lục bát...). *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: (HS tự trả lời các câu hỏi trên, không cần báo cáo). Bước 2, 3: GV chủ động hướng dẫn HS thực hiện. Chọn một trong hai cách luyện tập. Lưu ý: Bài trình bày phải: - Giới thiệu rõ tên bài thơ lục bát. - Đọc diễn cảm bài thơ. - Trình bày rõ ràng, mạch lạc những cảm xúc àm bài thơ đã gợi ra cho mình. - Lấy những từ ngữ, hình ảnh trong bài thơ làm minh chứng điều mình nói. - Lựa chọn, điều chỉnh những từ ngữ, câu văn biểu thị cảm xúc một cách hiệu quả nhất (phù hợp với văn nói). - Điều chỉnh cung bậc của âm thanh, giọng nói cho phù hợp với từng cung bậc cảm xúc. - Sử dụng cách xưng hô, ngữ điệu cho phù hợp với đối tượng người nghe và nội dung bài nói (trình bày). - Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ để thể hiện cảm xúc về bài thơ: nét mặt,	gian nói. Bước 2. Tìm ý và lập dàn ý. - Sử dụng cá ý đã có sẵn trong bài viết (đoạn văn) đã viết. - Gạch ra những ý cơ bản cần trình bày dưới dạng gạch đầu dòng hoặc bôi đen những cụm từ chính. Bước 3. Luyện tập - Tự mình tập luyện, tự trình bày (có thể đứng trước gương, ghi âm lại để tự rút kinh nghiệm). - Trình bày trước một bạn hoặc một nhóm để nhờ họ góp ý. 4. Bước 4: Trao đổi, đánh giá. - Mình nói (trình bày) cho người khác nghe thì tiếp thu những góp ý từ phía
--	--

cử chỉ, điệu bộ nhưng phải chân thật và phù hợp. - Tương tác cùng người nghe.	người nghe để tự rút kinh nghiệm. - Nếu trong vai trò người nghe, hãy đưa ra những ưu điểm trong cách trình bày và chỉ ra những hạn chế cần khắc phục. - Sử dụng bảng đánh giá để tự đánh giá và điều chỉnh bài nói của mình (Bảng dưới) II. Trình bày chính thức.
--	---

Bảng kiểm tra kỹ năng chia sẻ cảm xúc về một bài thơ lục bát

Nội dung kiểm tra	Đạt/ Chưa đạt
Bài chia sẻ có đủ các phần giới thiệu, nội dung và kết thúc.	
Trình bày rõ tên bài thơ, tên tác giả và nội dung của bài thơ.	
Thể hiện rõ cảm xúc của người nói về bài thơ.	
Dùng bằng chứng cụ thể trong bài thơ để làm rõ cảm xúc của người nói.	
Sử dụng động tác, ánh mắt (ngôn ngữ phi vật thể) và giọng nói phù hợp để góp phần thể hiện nội dung nói).	

ÔN TẬP

Thời lượng: 1 tiết

- a. Mục tiêu:** HS biết tổng hợp kiến thức đã học của bài học theo các dạng câu hỏi của từng nội dung bài học.
- b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, bài tập, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân, của nhóm.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bài 1 – SGK trang 79

Tổ chức thảo luận theo nhóm bàn.

*** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Hãy tóm tắt nội dung của các văn bản sau và xác định thể loại của chúng bằng cách điền vào bảng:

Văn bản	Nội dung	Thể loại
---------	----------	----------

Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương.		
Việt Nam quê hương ta		

*** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Thảo luận, hoàn thành phiếu học tập và đại diện nhóm báo cáo sản phẩm (nếu được GV yêu cầu)

*** Bước 3: Nhận xét và nhận xét chéo.**

*** Bước 4: Chuẩn kiến thức.**

Dự kiến sản phẩm:

Văn bản	Nội dung	Thể loại
Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương	Thể hiện vẻ đẹp của quê hương, đất nước qua vẻ đẹp của thiên nhiên tươi đẹp trù phú, của những địa danh gắn liền với lịch sử đấu tranh anh hùng.	Ca dao
Việt Nam quê hương ta	Thể hiện vẻ đẹp của thiên nhiên, của những con người lao động cần cù, chịu khó, truyền thống đấu tranh bất khuất và lòng chung thủy, sự tài hoa của con người Việt Nam.	Thơ lục bát

Bài 2 – SGK trang 80

*** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Chỉ ra những đặc điểm của thể thơ lục bát trong bài ca dao sau:

Sông Tô nước chảy trong ngần

Con thuyền buồm trắng chạy gần chạy xa

Thon thon hai mũi chèo hoa

Lướt qua lướt lại như là bướm bay.

*** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Thảo luận, hoàn thành phiếu học tập và đại diện nhóm báo cáo sản phẩm (nếu được GV yêu cầu)

*** Bước 3: Nhận xét và nhận xét chéo.**

*** Bước 4: Chuẩn kiến thức:** Đặc điểm của thể thơ lục bát trong bài thơ là:

- **Về vần, nhịp, thanh điệu:** bài thơ có 4 dòng, hai dòng lục (6 tiếng) và hai dòng bát (8 tiếng). Tiếng thứ sáu của câu lục thứ nhất hiệp vần với tiếng thứ sáu của câu bát thứ nhất (ngần – gần). Tiếng thứ tám của câu bát thứ nhất hiệp vần với tiếng thứ sáu của câu lục thứ hai và tiếng thứ sáu của dòng bát thứ hai (xa- hoa -là). Có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các thanh bằng thanh trắc trong bài thơ.

- **Về ngôn ngữ:** từ ngữ giản dị nhưng giàu sức gợi, diễn tả cảnh thuyền buồm tấp nập trên dòng sông Tô.

- Tác giả còn sử dụng **biện pháp nghệ thuật nhân hoá** (*thuyền buồm chạy gần chạy xa*), so sánh (*Lướt qua lướt lại như là bướm bay*) khiến cho cảnh vật trở nên gần gũi, thân quen với con người.

Bài 3 – SGK trang 80

*** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ :** Dựa vào gợi ý sau, em hãy nêu những đặc điểm của một đoạn văn chia sẻ về cảm xúc một bài thơ lục bát.

Phương diện	Đặc điểm
Hình thức	Đoạn văn được đánh dấu từ chỗ vết hoa lùi vào đầu dòng và kết thúc bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn xuống dòng.
Nội dung	

*** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân để hoàn thành phiếu học tập.

*** Bước 3: Nhận xét sản phẩm.**

*** Bước 4: Chuẩn kiến thức:** Đặc điểm của một đoạn văn chia sẻ về cảm xúc một bài thơ lục bát

Phương diện	Đặc điểm
Hình thức	Đoạn văn được đánh dấu từ chỗ viết hoa lùi vào đầu dòng và kết thúc bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn xuống dòng.
	Đoạn văn đảm bảo cấu trúc gồm ba phần: mở đoạn, thân đoạn và kết đoạn.
	Trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát.

Nội dung	Mở đoạn: giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm xúc chung về bài thơ. Thân đoạn: trình bày cảm xúc của người đọc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. Làm rõ cảm xúc bằng những hình ảnh, từ ngữ được trích từ bài thơ. Kết đoạn: khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của bài thơ với bản thân.
-----------------	--

Bài 4 – SGK trang 80

*** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Nêu hai kinh nghiệm mà em có được khi viết và trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát đã học.

*** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi.

*** Bước 3: Nhận xét sản phẩm.**

*** Bước 4: Chuẩn kiến thức:** Hai kinh nghiệm mà em có được khi viết và trình bày cảm xúc về bài thơ lục bát đã học:

- Thứ nhất: trước khi viết hoặc nói, phải xác định mục đích là gì? người đọc, người nghe là những ai? Điều đó giúp định hướng được nội dung bài viết, tăng hiệu quả giao tiếp.

- Thứ hai, cần tìm những từ ngữ, hình ảnh gợi cảm xúc, những biện pháp tu từ mà tác giả sử dụng trong bài thơ. Từ đó, phân tích cái hay, cái đẹp của bài và nêu cảm xúc của mình.

Bài 5 – SGK trang 80

*** Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Hình ảnh quê hương hiện lên trong tâm trí mỗi người không giống nhau, đối với nhà thơ Tế Hanh, quê hương là “con sông xanh biếc”, với nhạc sĩ Hoàng Hiệp, quê hương gắn liền với những kỉ niệm trên dòng sông tuổi thơ... Vậy hình ảnh quê hương trong tâm trí em là gì? Quê hương có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi chúng ta? Em có thể làm gì để quê hương ngày càng đẹp hơn.

*** Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân, viết thành một đoạn văn.

*** Bước 3. GV mời 1, 2 HS trình bày đoạn văn trước lớp**

*** Bước 4. Nhận xét phần trình bày.**

Gợi ý:

Với mỗi người, hình ảnh quê hương hiện lên trong tâm trí khác nhau; chốn bình yên, được tự do vui chơi và nô đùa, được đi thả diều trên triền đê, ăn những trái cây chín mọng trong vườn.

Quê hương có ý nghĩa quan trọng với mỗi người bởi đó là đó là nơi chôn rau cắt rốn, có tổ tiên, ông bà, họ hàng để nhắc nhở ta nhớ về cội nguồn của chính mình.

Để quê hương ngày càng đẹp hơn, mỗi người cần có trách nhiệm đóng góp và xây dựng bằng nhiều cách khác nhau: giữ gìn vệ sinh, không đổ rác bừa bãi, trồng thêm cây xanh, tôn tạo các công trình văn hoá như đền chùa, di tích lịch sử... Bên cạnh đó, mỗi người con của quê hương cần phấn đấu học thật giỏi và sau này quay về xây dựng, phát triển quê hương ngày càng giàu đẹp.

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG CHO CÁ CHỦ ĐỀ

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1. GV giao nhiệm vụ:

+ **Nhiệm vụ 1:** Trong cá văn bản viết về về quê hương vừa học, em thích nhất bài nào? Vì sao?

+ **Nhiệm vụ 2:** - Em hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày cảm nhận của mình về vẻ đẹp của quê hương.

- Vẽ tranh về quê hương yêu dấu của mình.

- Thiết kế sơ đồ tư duy bài học theo ý hiểu của mình

- Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ (Nhiệm vụ 2 có thể báo cáo sản phẩm vào tiết học sau)

- Bước 3. Nhận xét, đánh giá sản phẩm, khen ngợi....

- Bước 4. Chuẩn kiến thức.

ÔN TẬP

Nhiệm vụ về nhà:

1. Học thuộc những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương và *Việt Nam quê hương ta* của Nguyễn Đình Thi.
2. Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày cảm xúc về sự phát triển của quê hương em.